

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HOÀNG MAI
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2022/DS-ST
Ngày: 16/11/2022
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Phương Minh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Kim Dung
Bà Tạ Thị Thà

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Minh Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 109/2020/TLST-DS ngày 24 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2022/QĐXX-DS ngày 12/10/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 163/2022/QĐST-DS ngày 04/11/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng A (A);

Trụ sở: số x, phường L, quận H, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Lê Văn T - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Vũ Đình K - Phó tổng giám đốc (theo Giấy ủy quyền số 359/2018/UQ-A ngày 04/5/2018).

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: bà Nguyễn Thị T1, ông Lê Văn T2 - Chuyên viên xử lý nợ (theo Giấy ủy quyền số 12380.16/2020/UQ-A ngày 09/9/2020) (có mặt bà Tuyết).

Bị đơn: - Ông Trần Văn L, sinh năm 1986;

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn L: bà Lê Thu L1, sinh năm 1990 (theo Giấy ủy quyền số công chứng 4354 ngày 18/10/2022 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thảo) (có mặt).

- Bà Lê Thu L1, sinh năm 1990; (có mặt);

Cùng cư trú tại: L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- **Chủ doanh nghiệp tư nhân B (ông Lê T3)** (vắng mặt);

Địa chỉ trụ sở: số y, tổ z, phường H, thành phố P, tỉnh Điện Biên.

Địa chỉ liên hệ: Ban Quản lý dự án H, khu đô thị T, phường P, quận Đ, thành phố Hà Nội.

- Cháu **Trần Thanh T3**, sinh năm 2016;

Người đại diện theo pháp luật của cháu Trần Thanh T3 là ông Trần Văn L và bà Lê Thu L1 (có mặt bà L1).

Nơi cư trú: L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 09/9/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Ngân hàng A (A) do người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 07/7/2016, Ngân hàng A - Chi nhánh Hai Bà Trưng và ông Trần Văn L, bà Lê Thu L1 ký hợp đồng tín dụng trung dài hạn số REF1618600115/HĐTD, Phụ lục hợp đồng tín dụng trung dài hạn số REF1618600115/PL01, với nội dung: số tiền vay là 400.000.000 đồng, thời hạn vay là 120 tháng, mục đích sử dụng tiền vay: bù đắp số tiền vay mua căn hộ số 1018 thuộc tòa nhà hỗn hợp dịch vụ thương mại văn phòng và nhà ở HH3 Linh Đàm, Hà Nội. Lãi suất cho vay trong hạn được xác định như sau: lãi suất cho vay áp dụng trong 12 tháng đầu tiên là 8,5%/năm; lãi suất cho vay từ tháng thứ 13 trở đi bằng lãi suất VNĐ kỳ hạn 13 tháng của sản phẩm tiết kiệm lãi cuối kỳ đối với khách hàng cá nhân + biên độ 4,2%. Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn và được áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn. Thực hiện hợp đồng tín dụng, ngày 09/7/2016 Ngân hàng A chi nhánh Hai Bà Trưng đã giải ngân cho ông L, bà L1 theo Giấy nhận nợ với tổng số tiền là 400.000.000 đồng.

Để đảm bảo khoản vay, ngày 07/7/2016 Ngân hàng A và ông L, bà L1 đã ký Hợp đồng thế chấp quyền tài sản, là các quyền và lợi ích của ông L, bà L1 phát sinh đối với hợp đồng mua bán căn hộ chung cư số 185/HĐMBCH-HH3A ngày 26/01/2015 giữa Doanh nghiệp tư nhân B và ông L để mua bán căn hộ số 1018, tầng 10 thuộc tòa nhà HH3A dự án tổ hợp chung cư và dịch vụ thương mại HH3, ô đất HH3, lô CC6 khu dịch vụ tổng hợp và nhà ở Hồ Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Tài sản đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Hà Nội.

Đến nay ông L, bà L1 đã trả được cho Ngân hàng tổng số tiền là 432.365.890 đồng, trong đó nợ gốc là 226.666.644 đồng, nợ lãi trong hạn 192.169.867, nợ lãi quá hạn là 13.529.379 đồng. Ông L, bà L1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của hợp đồng tín dụng từ ngày 09/4/2020. Tính đến ngày 22/9/2022, ông L, bà L1 còn nợ lại Ngân hàng A tổng số tiền là 185.212.016 đồng, bao gồm nợ gốc trong hạn là 153.333.358 đồng, nợ gốc quá hạn là 19.999.998 đồng, nợ lãi trong hạn là 10.456.187 đồng, nợ lãi quá hạn là 1.422.473 đồng.

Nay, Ngân hàng A yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông L, bà L1 phải thanh toán cho A khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số REF1618600115/HĐTD ngày 07/7/2016, Phụ lục Hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số REF1618600115/HĐTD ngày 07/7/2016, Giấy nhận nợ ngày 09/7/2016 tính đến ngày 22/9/2022 tổng số tiền là 185.212.016 đồng, bao gồm nợ gốc trong hạn là 153.333.358 đồng, nợ gốc quá hạn là 19.999.998 đồng, nợ lãi trong hạn là 10.456.187 đồng, nợ lãi quá hạn là 1.422.473 đồng.

- Buộc ông L, bà L1 phải tiếp tục thanh toán số tiền lãi phát sinh theo lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

- Trường hợp ông L, bà L1 không trả được nợ trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự kê biên, bán/chuyển nhượng tài sản đảm bảo là: toàn bộ quyền và lợi ích của ông L, bà L1 phát sinh đối với hợp đồng mua bán căn hộ chung cư số 185/HĐMBCH-HH3A ký ngày 26/01/2015 giữa Doanh nghiệp tư nhân B và ông L để mua bán căn hộ số 1018, tầng 10 thuộc tòa nhà HH3A dự án tổ hợp chung cư và dịch vụ thương mại HH3, ô đất HH3, lô CC6 khu dịch vụ tổng hợp và nhà ở Hồ Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội để thu hồi nợ.

- Nếu số tiền phát mại/thu hồi từ tài sản đảm bảo vẫn không đủ để trả nợ thì ông L, bà L1 phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi tất toán khoản nợ.

- Ngân hàng không yêu cầu ông L phải thanh toán số tiền nợ theo hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 22/02/2017 vì ông L đã thanh toán xong cho Ngân hàng khoản tiền nợ của hợp đồng này.

* Tại bản tự khai và các lời khai tại Tòa án, bị đơn là ông Trần Văn L trình bày: Ngày 07/7/2016, ông và vợ là Lê Thu L1 vay vốn tại Ngân hàng A Chi nhánh Hai Bà Trưng theo hợp đồng tín dụng trung dài hạn số REF1618600115/HĐTD, Phụ lục hợp đồng tín dụng trung dài hạn số REF1618600115/PL01, với nội dung: số tiền vay là 400.000.000 đồng, thời hạn vay là 120 tháng, mục đích sử dụng tiền vay: bù đắp số tiền vay mua căn hộ số 1018 thuộc tòa nhà hỗn hợp dịch vụ thương mại văn phòng và nhà ở HH3 Linh Đàm, Hà Nội. Lãi suất cho vay trong hạn được xác định như sau: lãi suất cho vay áp dụng trong 12 tháng đầu tiên là 8,5%/năm; lãi suất cho vay từ tháng thứ 13 trở đi bằng lãi suất VNĐ kỳ hạn 13 tháng của sản phẩm tiết kiệm lĩnh lãi cuối kỳ đối với khách hàng cá nhân + biên độ 4,2%. Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn và được áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn. Ngày 09/7/2016 Ngân hàng A chi nhánh Hai Bà Trưng đã giải ngân cho vợ chồng ông theo Giấy nhận nợ với tổng số tiền là 400.000.000 đồng.

Ngày 22/02/2017, Ngân hàng A và vợ chồng ông ký hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế (Visa) với hạn mức được cấp là 20.000.000 đồng.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ngày 07/7/2016 Ngân hàng A và ông, bà L1 đã ký Hợp đồng thế chấp quyền tài sản, là các quyền và lợi ích của vợ chồng

ông phát sinh đối với hợp đồng mua bán căn hộ chung cư số 185/HĐMBCH-HH3A ngày 26/01/2015 giữa Doanh nghiệp tư nhân B và ông L để mua bán căn hộ số 1018, tầng 10 thuộc tòa nhà HH3A dự án tổ hợp chung cư và dịch vụ thương mại HH3, ô đất HH3, lô CC6 khu dịch vụ tổng hợp và nhà ở Hồ Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội, diện tích căn hộ là 40,21m². Tài sản đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Hà Nội.

Do điều kiện làm ăn gặp nhiều khó khăn dẫn đến việc ông và bà L1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 09/4/2020. Kể từ khi thế chấp cho đến nay thì gia đình ông không sửa chữa, cải tạo gì đối với căn hộ trên. Hiện tại căn hộ thế chấp có vợ chồng ông và con gái là Trần Thanh T3 đang ở, ngoài ra không có ai khác sinh sống tại đây. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông và bà L1 có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền còn nợ thì ông đề nghị Ngân hàng xem xét giảm cho vợ chồng ông tiền lãi. Ông sẽ thu xếp để trả toàn bộ số tiền còn nợ và đề nghị Ngân hàng tắt toán khoản vay, giải chấp tài sản bảo đảm cho vợ chồng ông. Trường hợp nếu không trả được nợ thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Tại bản tự khai và các lời khai tại Tòa án, bị đơn là bà Lê Thu L1 trình bày: Ngày 07/7/2016, bà và chồng là ông Trần Văn L vay vốn tại Ngân hàng A Chi nhánh Hai Bà Trưng theo Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số REF1618600115/HĐTD, Phụ lục hợp đồng tín dụng trung dài hạn số REF1618600115/PL01, với số tiền vay là 400.000.000 đồng, thời hạn vay là 120 tháng, mục đích sử dụng tiền vay: bù đắp số tiền vay mua căn hộ số 1018 thuộc tòa nhà hỗn hợp dịch vụ thương mại văn phòng và nhà ở HH3 Linh Đàm, Hà Nội. Lãi suất cho vay trong hạn áp dụng trong 12 tháng đầu tiên là 8,5%/năm; lãi suất cho vay từ tháng thứ 13 trở đi bằng lãi suất VNĐ kỳ hạn 13 tháng của sản phẩm tiết kiệm linh lãi cuối kỳ đối với khách hàng cá nhân + biên độ 4,2%. Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn và được áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn. Ngày 09/7/2016 Ngân hàng A Chi nhánh Hai Bà Trưng đã giải ngân cho vợ chồng bà theo Giấy nhận nợ tổng số tiền là 400.000.000 đồng.

Để đảm bảo cho khoản vay, ngày 07/7/2016 Ngân hàng A và vợ chồng bà đã ký Hợp đồng đồng thế chấp quyền tài sản, là các quyền và lợi ích của vợ chồng bà phát sinh đối với hợp đồng mua bán căn hộ chung cư số 185/HĐMBCH-HH3A ngày 26/01/2015 giữa Doanh nghiệp tư nhân B và ông L để mua bán căn hộ số 1018, tầng 10 thuộc tòa nhà HH3A dự án tổ hợp chung cư và dịch vụ thương mại HH3A, ô đất HH3A, lô CC6 khu dịch vụ tổng hợp và nhà ở Hồ Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội, diện tích căn hộ là 40,21m². Tài sản đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Hà Nội.

Do điều kiện làm ăn gặp nhiều khó khăn dẫn đến việc bà và ông L vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng từ ngày 09/4/2020. Bà xác nhận tính đến ngày 22/9/2022 bà và ông L còn nợ lại Ngân hàng A theo hợp đồng tín dụng nêu trên tổng số tiền như Ngân hàng đã tính là 185.212.016 đồng, bao gồm nợ gốc trong hạn là 153.333.358 đồng, nợ gốc quá hạn là 19.999.998 đồng, nợ lãi trong hạn là 10.456.187 đồng, nợ lãi quá hạn là 1.422.473 đồng.

Về tài sản thế chấp là căn hộ 1018, tầng 10 thuộc tòa nhà HH3A dự án tổ hợp chung cư và dịch vụ thương mại HH3, ô đất HH3, lô CC6 khu dịch vụ tổng hợp và nhà ở Hồ Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội, diện tích căn hộ là 40,21m², là tài sản chung của bà và ông L, do vợ chồng bà mua của Doanh nghiệp tư nhân B. Vợ chồng bà đã thanh toán hết số tiền mua căn hộ trên cho Doanh nghiệp tư nhân B. Hiện nay căn hộ trên chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng. Giữa Ngân hàng A, Doanh nghiệp tư nhân B và vợ chồng bà cũng đã ký cam kết ba bên. Kể từ khi vợ chồng bà thế chấp căn hộ trên cho đến nay thì bà không sửa chữa, cải tạo gì đối với căn hộ trên. Hiện tại căn hộ thế chấp chỉ có vợ chồng bà và con gái là Trần Thanh T3 đang ở, ngoài ra không có ai khác sinh sống tại căn hộ trên.

Nay bà đề nghị Ngân hàng A cho vợ chồng bà trả theo phương án như sau:

- Chậm nhất là ngày 30/11/2022 bà và ông L phải thanh toán toàn bộ nợ gốc quá hạn, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn và lãi phát sinh đến ngày thanh toán theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số REF1618600115/HĐTD ngày 07/7/2016, Phụ lục Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số REF1618600115/HĐTD ngày 07/7/2016, Giấy nhận nợ ngày 09/7/2016.

- Từ tháng 12/2022 bà và ông L có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo đúng thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số REF1618600115/HĐTD ngày 07/7/2016, Phụ lục hợp đồng tín dụng trung dài hạn số REF1618600115/PL01, Giấy nhận nợ ngày 09/7/2016 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp nếu vợ chồng bà vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo phương án trên thì chấp nhận việc Ngân hàng kê biên tài sản thế chấp và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Tại Văn bản số 47/CV-TLTK ngày 23/8/2022, đại diện Doanh nghiệp tư nhân B có ý kiến như sau:

Tính đến thời điểm hiện tại, ông Trần Văn L và bà Lê Thu L1 đã thanh toán hết số tiền mua căn hộ số 1018, tầng 10, tòa nhà HH3A Khu dịch vụ tổng hợp và nhà ở Hồ Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội cho Doanh nghiệp tư nhân B.

Ngày 06/11/2015 tại trụ sở Ngân hàng A - Chi nhánh Đống Đa đã tiến hành ký “Cam kết ba bên” gồm: Ngân hàng A - Chi nhánh Đống Đa, Doanh nghiệp tư nhân B, ông Trần Văn L và bà Lê Thu L1, trong việc phối hợp quản lý, xử lý tài sản bảo đảm là căn hộ số 1018, tầng 10, tòa nhà HH3A Khu dịch vụ tổng hợp và nhà ở Hồ Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội là tài sản do ông L và bà L1 thế chấp tại Ngân hàng A để vay tiền.

Từ khi có cam kết ba bên đến nay, Doanh nghiệp tư nhân B đã thực hiện đúng nội dung cam kết: không giải quyết bất cứ thủ tục nào liên quan đến mua bán, thế chấp, cầm cố, cho tặng thừa kế, góp vốn, chuyển quyền sử dụng và

quyền sở hữu đối với tài sản nói trên khi chưa có sự đồng ý của Ngân hàng A bằng văn bản.

* Ngày 26/10/2022 Ngân hàng A có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu ông L và bà L1 phải thanh toán dư nợ của Hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân ngày 22/02/2017 vì ông L, bà L1 đã thanh toán cho Ngân hàng dư nợ của hợp đồng này.

* Tại phiên tòa, Ngân hàng A xác nhận ông L, bà L1 còn nợ Ngân hàng tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi tính đến ngày 16/11/2022 là 189.533.743 đồng, bao gồm: nợ gốc là 173.333.356 đồng, nợ lãi trong hạn là 13.790.447 đồng, nợ lãi quá hạn là 2.409.940 đồng, đề nghị Tòa án ghi nhận thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn về lộ trình trả số tiền nợ như sau:

- Chậm nhất là ngày 30/11/2022 ông Trần Văn L và bà Lê Thu L1 phải thanh toán số tiền nợ gốc quá hạn, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số REF1618600115/HĐTD ngày 07/7/2016, Phụ lục Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số REF1618600115/HĐTD ngày 07/7/2016, Giấy nhận nợ ngày 09/7/2016 với tổng số tiền là 42.867.051 đồng, bao gồm: nợ gốc quá hạn là 26.666.664 đồng, nợ lãi trong hạn là 13.790.447 đồng, nợ lãi quá hạn là 2.409.940 đồng.

Từ tháng 12/2022 ông Trần Văn L và bà Lê Thu L1 có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng theo đúng thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số REF1618600115/HĐTD ngày 07/7/2016, Phụ lục hợp đồng tín dụng trung dài hạn số REF1618600115/PL01 ngày 07/7/2016, Giấy nhận nợ ngày 09/7/2016 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

- Ông L, bà L1 phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 17/11/2022 đối với số nợ gốc chưa trả theo lãi suất các bên thỏa thuận cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

- Trường hợp ông L, bà L1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan thi hành án kê biên, xử lý tài sản bảo đảm là các quyền và lợi ích của ông L, bà L1 phát sinh từ Hợp đồng mua bán căn hộ chung cư số 185/HĐMBCH-HH3A ngày 26/01/2015 là căn hộ số 1018, thuộc tòa nhà HH3A dự án tổ hợp chung cư và dịch vụ thương mại HH3, ô đất HH3, lô CC6 khu dịch vụ tổng hợp và nhà ở Hồ Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 1211.2016/HĐTC ngày 07/7/2016. Nếu số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì ông L, bà L1 có nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng.

* Bị đơn là bà Lê Thu L1 xác nhận bà và ông L còn nợ Ngân hàng A tổng số tiền tính đến ngày 16/11/2022 là 189.533.743 đồng, bao gồm: nợ gốc là 173.333.356 đồng, nợ lãi trong hạn là 13.790.447 đồng, nợ lãi quá hạn là 2.409.940 đồng, đề nghị Tòa án ghi nhận về lộ trình trả khoản nợ giữa vợ chồng bà và Ngân hàng như trên và đồng ý kê biên phát mại tài sản nếu vợ chồng bà

không trả được nợ.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại phiên tòa. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã rút đối với yêu cầu buộc bị đơn thanh toán dư nợ của Hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 22/02/2017. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông L, bà L1 phải trả cho Ngân hàng A tổng số tiền là 189.533.743 đồng, bao gồm: nợ gốc là 173.333.356 đồng, nợ lãi trong hạn là 13.790.447 đồng, nợ lãi quá hạn là 2.409.940 đồng tính đến ngày 16/11/2022, ghi nhận lộ trình thanh toán khoản nợ như các bên đã thống nhất tại phiên tòa. Trường hợp ông L, bà L1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan thi hành án xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Về án phí: ông L, bà L1 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng A khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với ông Trần Văn L, bà Lê Thu L1, cư trú tại: L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

[2] Về việc xét xử trong trường hợp đương sự vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Chủ doanh nghiệp tư nhân B không có yêu cầu độc lập vắng mặt không có lý do, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt Chủ doanh nghiệp tư nhân B.

[3] Về việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện: Ngày 26/10/2022 Ngân hàng A tự nguyện rút yêu cầu đối với yêu cầu ông Trần Văn L, bà Lê Thu L1 thanh toán khoản nợ theo Hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân ngày 22/02/2017 vì ông L, bà L1 đã thanh toán cho Ngân hàng khoản nợ của hợp đồng này. Xét thấy, việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, nên căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đã rút.

[4] Về Hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số REF1618600115/HĐTD: Ngày 07/7/2016, bên cho vay là Ngân hàng A - Chi nhánh Hai Bà Trưng, bên

vay là ông Trần Văn L, bà Lê Thu L1 ký Hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số REF1618600115/HĐTD, Phụ lục hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số REF1618600115/PL01 thỏa thuận về các nội dung chủ yếu sau: số tiền vay: 400.000.000 đồng, thời hạn vay: 120 tháng từ 09/7/2016 đến 09/7/2026, mục đích sử dụng tiền vay: bù đắp số tiền vay mua căn hộ số 1018 thuộc tòa nhà hỗn hợp dịch vụ thương mại văn phòng và nhà ở HH3 Linh Đàm, Hà Nội; Lãi suất cho vay trong hạn: lãi suất cho vay áp dụng trong 12 tháng đầu tiên là 8,5%/năm, lãi suất cho vay từ tháng thứ 13 trở đi bằng lãi suất VNĐ kỳ hạn 13 tháng của sản phẩm tiết kiệm lãi cuối kỳ đối với khách hàng cá nhân + biên độ 4,2%; Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn và được áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn và/hoặc dư nợ lãi quá hạn; Tài sản bảo đảm: căn hộ số 1018, tầng 10, diện tích sử dụng căn hộ là 40,21m², căn hộ này thuộc tòa nhà HH3A dự án tổ hợp chung cư và dịch vụ thương mại HH3, ô đất HH3, lô CC6 Khu dịch vụ tổng hợp và nhà ở Hồ Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên, Ngân hàng A - Chi nhánh Hai Bà Trưng đã cho ông L, bà L1 vay số tiền 400.000.000 đồng theo Giấy nhận nợ ngày 09/7/2016.

Xét hợp đồng tín dụng có nội dung phù hợp với quy định tại các khoản 14, 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010. Các bên đều thừa nhận thỏa thuận vay nợ trên là hoàn toàn tự nguyện nên Hợp đồng tín dụng và Giấy nhận nợ có hiệu lực thi hành đối với các bên và các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ đối với nhau theo đúng cam kết.

Thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số REF1618600115/HĐTD, Phụ lục hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số REF1618600115/PL01 ngày 07/7/2016 và Giấy nhận nợ ngày 09/7/2016, ông L, bà L1 mới trả được 226.666.644 đồng nợ gốc và 205.699.246 đồng nợ lãi. Tính đến ngày 16/11/2022, tổng số tiền ông L, bà L1 chưa trả là 189.533.743 đồng, bao gồm: số tiền gốc chưa trả là 173.333.356 đồng, số tiền lãi trong hạn chưa trả là 10.456.187 đồng, số tiền lãi quá hạn chưa trả là 1.422.473 đồng. Nay Ngân hàng A yêu cầu ông L, bà L1 phải trả số tiền nợ gốc, nợ lãi theo hợp đồng tín dụng nêu trên tính đến ngày 16/11/2022 là 189.533.743 đồng, gồm: nợ gốc là 173.333.356 đồng, tiền lãi trong hạn là 10.456.187 đồng, tiền lãi quá hạn là 1.422.473 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng A và bị đơn là bà Lê Thu L1 đã thỏa thuận về phương thức trả nợ; tuy nhiên bị đơn là ông Trần Văn L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Chủ doanh nghiệp tư nhân B vắng mặt, vì vậy Tòa án không thể tiến hành việc hòa giải và lập biên bản hòa giải thành làm căn cứ cho việc ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự.

Tại phiên tòa hôm nay, Ngân hàng A và bà Lê Thu L1, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn L cùng thống nhất xác nhận ông L, bà L1 còn nợ Ngân hàng A tính đến ngày 16/11/2022 tổng số tiền là 189.533.743 đồng, gồm: nợ gốc là 173.333.356 đồng, tiền lãi trong hạn là 10.456.187 đồng, tiền lãi quá hạn là 1.422.473 đồng và đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận giữa

các bên về lộ trình thanh toán khoản nợ như đã thống nhất tại phiên tòa. Xét việc thỏa thuận này không trái đạo đức, xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật nên cần ghi nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn.

[5] Về Hợp đồng thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán căn hộ chung cư số 185/HĐMBCH-HH3A: Để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bên vay là ông L, bà L1, ngày 07/7/2016, bên nhận thế chấp là Ngân hàng A - Chi nhánh Hai Bà Trưng và bên thế chấp là ông Trần Văn L, bà Lê Thu L1 tự nguyện ký kết Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số công chứng 1211.2016/HĐTC, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD, gồm các nội dung chủ yếu: Nghĩa vụ được bảo đảm bao gồm nghĩa vụ hoàn trả tiền vay (nợ gốc), lãi vay, lãi quá hạn, các khoản phạt chậm trả, phạt vi phạm, chi phí xử lý tài sản thế chấp, các khoản chi phí và phải trả khác của Bên thế chấp theo Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số REF1618600115/HĐTD ngày 07/7/2016 và các hợp đồng tín dụng khác ký giữa Bên thế chấp và A trong khoảng thời gian từ ngày 07/7/2016 đến ngày 07/7/2046, bao gồm cả trường hợp hợp đồng tín dụng, văn bản xác định nghĩa vụ dân sự khác của Bên thế chấp đối với A được sửa đổi, bổ sung. Tài sản thế chấp là các quyền tài sản, lợi ích của Bên thế chấp phát sinh đối với Hợp đồng mua bán căn hộ chung cư số 185/HĐMBCH-HH3A ngày 26/01/2015 giữa ông Trần Văn L với Doanh nghiệp tư nhân B để mua bán căn hộ số 1018, tầng 10, thuộc tòa nhà HH3A - Dự án tổ hợp chung cư và dịch vụ thương mại HH3, ô đất HH3, lô CC6 Khu dịch vụ tổng hợp và nhà ở Hồ Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Ngày 08/7/2016, hai bên nộp Đơn yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm và được Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại Hà Nội chứng nhận việc đăng ký, có hiệu lực từ ngày 09/7/2016. Xét hợp đồng thế chấp nêu trên tuân thủ quy định tại các điều 342, 343, 348, 350, 351, 355 của Bộ luật Dân sự 2005, được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định, nên hợp đồng có hiệu lực từ thời điểm đăng ký thế chấp.

Ngày 04/7/2016, bên A là Ngân hàng A - Chi nhánh Hai Bà Trưng, bên B là Doanh nghiệp tư nhân B và bên C là ông Trần Văn L, bà Lê Thu L1 ký kết Cam kết ba bên nhằm phối hợp quản lý, xử lý tài sản bảo đảm là căn hộ số 1018, tầng 10, thuộc tòa nhà HH3A - Dự án tổ hợp chung cư và dịch vụ thương mại HH3, ô đất HH3, lô CC6 Khu dịch vụ tổng hợp và nhà ở Hồ Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội cùng các quyền tài sản của khách hàng phát sinh từ Hợp đồng mua bán căn hộ chung cư số 185/HĐMBCH-HH3A ngày 26/01/2015. Hiện nay, ông Trần Văn L và bà Lê Thu L1 đã thanh toán hết số tiền mua căn hộ nêu trên cho Doanh nghiệp tư nhân B.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xem xét hiện trạng tài sản thế chấp là căn hộ số 1018, tầng 10, diện tích sử dụng là 40,21m² thuộc Tòa nhà HH3A, Dự án tổ hợp chung cư và dịch vụ thương mại HH3, ô đất HH3, lô CC6 Khu dịch vụ tổng hợp và nhà ở Hồ Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Các đương sự đều xác nhận từ thời điểm thế chấp cho đến nay, hiện trạng căn hộ vẫn giữ nguyên, không thay đổi gì.

Xét thấy căn hộ số 1018, tầng 10, Tòa nhà HH3A, Khu dịch vụ tổng hợp và

nhà ở Hồ Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội là tài sản bảo đảm thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của ông L, bà L1 phát sinh theo Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số REF1618600115/HĐTD, Phụ lục hợp đồng tín dụng trung dài hạn số REF1618600115/PL01 ngày 07/7/2016, Giấy nhận nợ ngày 09/7/2016. Căn cứ vào Điều 299, 323 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Tòa án chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng A, trường hợp ông L, bà L1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm nêu trên để thu hồi nợ. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán khoản nợ, thì ông L, bà L1 vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng A. Khi xử lý tài sản bảo đảm, các đương sự, những người đăng ký hộ khẩu thường trú, tạm trú, sinh sống tại tài sản thế chấp có nghĩa vụ chấp hành quyết định của cơ quan xử lý tài sản bảo đảm.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A được Tòa án chấp nhận, căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo, Ngân hàng A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 7.147.000 đồng. Ông Trần Văn L, bà Lê Thu L1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.476.687 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 14, 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, Điều 95, khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào các điều 342, 343, 348, 350, 351, 355 của Bộ luật dân sự năm 2005; các Điều 299, 303 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 246, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A về việc yêu cầu ông Trần Văn L, bà Lê Thu L1 phải thanh toán khoản nợ theo Hợp đồng hạn

mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân ngày 22/02/2017.

2. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A về việc yêu cầu ông Trần Văn L, bà Lê Thu L1 trả số tiền nợ phát sinh theo Hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số REF1618600115/HĐTD ngày 07/7/2016, Phụ lục Hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số REF1618600115/HĐTD ngày 07/7/2016, Giấy nhận nợ ngày 09/7/2016.

2. Ghi nhận sự thỏa thuận của Ngân hàng A và ông Trần Văn L, bà Lê Thu L1 như sau:

2.1. Ông Trần Văn L, bà Lê Thu L1 xác nhận còn nợ Ngân hàng A theo Hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số REF1618600115/HĐTD ngày 07/7/2016, Phụ lục Hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số REF1618600115/HĐTD ngày 07/7/2016, Giấy nhận nợ ngày 09/7/2016 tổng số tiền tính đến ngày 16/11/2022 là 189.533.743 đồng (Một trăm tám mươi chín triệu, năm trăm ba mươi ba nghìn, bảy trăm bốn mươi ba đồng), bao gồm:

- Nợ gốc là 173.333.356 đồng (Một trăm bảy mươi ba triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm năm mươi sáu đồng).

- Nợ lãi trong hạn là 13.790.447 đồng (Mười ba triệu, bảy trăm chín mươi nghìn, bốn trăm bốn mươi bảy đồng).

- Nợ lãi quá hạn là 2.409.940 đồng (Hai triệu, bốn trăm linh chín nghìn, chín trăm bốn mươi đồng).

2.2. Phương thức thanh toán: Ông Trần Văn L, bà Lê Thu L1 có trách nhiệm thanh toán tổng số tiền tính đến ngày 16/11/2022 là 189.533.743 đồng cho Ngân hàng A theo lộ trình trả nợ cụ thể như sau:

- Chậm nhất là ngày 30/11/2022 ông Trần Văn L, bà Lê Thu L1 có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng A số tiền nợ gốc quá hạn, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số REF1618600115/HĐTD ngày 07/7/2016, Phụ lục Hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số REF1618600115/HĐTD ngày 07/7/2016, Giấy nhận nợ ngày 09/7/2016 tổng số tiền là 42.867.051 đồng, bao gồm: nợ gốc quá hạn là 26.666.664 đồng, nợ lãi trong hạn là 13.790.447 đồng, nợ lãi quá hạn là 2.409.940 đồng.

- Từ tháng 12/2022 ông Trần Văn L, bà Lê Thu L1 có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng A theo đúng thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số REF1618600115/HĐTD ngày 07/7/2016, Phụ lục hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số REF1618600115/PL01 ngày 07/7/2016, Giấy nhận nợ ngày 09/7/2016 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

2.3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Trần Văn L, bà Lê Thu L1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa trả theo mức lãi suất các bên thỏa thuận cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho

vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2.4. Trường hợp ông Trần Văn L, bà Lê Thu L1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo phương thức thanh toán nêu trên thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự tiến hành kê biên, phát mại, xử lý tài sản bảo đảm là: căn hộ số 1018, tầng 10, diện tích sử dụng là 40,21m², thuộc Tòa nhà HH3A, Dự án tổ hợp chung cư và dịch vụ thương mại HH3, ô đất HH3, lô CC6, Khu dịch vụ tổng hợp và nhà ở Hồ Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội và các quyền tài sản, lợi ích của ông L, bà L1 phát sinh từ Hợp đồng mua bán căn hộ chung cư số 185/HĐMBCH-HH3A ngày 26/01/2015 theo Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số công chứng 1211.2016/HĐTC, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 07/7/2016, đăng ký thế chấp ngày 09/7/2016 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hà Nội.

Trong trường hợp số tiền thu được từ việc kê biên, phát mại, xử lý tài sản bảo đảm nêu trên không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì ông Trần Văn L, bà Lê Thu L1 vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng A.

2.5. Khi xử lý tài sản bảo đảm, các đương sự, những người đăng ký hộ khẩu thường trú, tạm trú, sinh sống tại căn hộ thế chấp nêu trên có nghĩa vụ chấp hành quyết định của cơ quan xử lý tài sản bảo đảm.

2.6. Về án phí:

- Ông Trần Văn L, bà Lê Thu L1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.476.687 đồng (Chín triệu, bốn trăm bảy mươi sáu nghìn, sáu trăm tám mươi bảy đồng).

- Trả lại Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 7.147.000 đồng (Bảy triệu, một trăm bốn mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006246 ngày 24/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng A, ông Trần Văn L, bà Lê Thu L1 (ông L, bà L1 đồng thời là người đại diện theo pháp luật của cháu Trần Thanh T3) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Chủ doanh nghiệp tư nhân xây dựng số 1 tỉnh Điện Biên vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai;
- Chi cục Thi hành án DS quận Hoàng Mai;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Phương Minh